

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HSPT
Ngày 25 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Thẩm phán:

Bà Trần Ngọc Như

Bà Châu Minh Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Triệu Ngọc Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2017/HSPT ngày 31 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Lê Hoàng H; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Lê Hoàng H**, sinh năm 1982 tại huyện P, tỉnh Hậu Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Q, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp cố định; cha là Lê Hồng S, sinh năm 1960 và mẹ là Điền Thị Đ, sinh năm 1958; anh, chị, em ruột gồm 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1997, bị cáo là người lớn nhất trong gia đình; có vợ tên Nguyễn Kiều T, sinh năm 1983 (đã ly hôn năm 2015) và 01 người con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã từ ngày 08/02/2017 tạm giữ đến ngày 11/02/2017 chuyển tạm giam đến nay, (có mặt).

****Người bị hại không kháng cáo:***

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã Q, huyện D, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

2. Bà Trần Thị X, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D và và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D, nội dung vụ án như sau:

Vào khoảng đầu năm 2014, ông Nguyễn Văn T có 02 người con là Nguyễn Cà H và Nguyễn Văn N đang đi nghĩa vụ quân đội. Do nghe ông Điền Văn T, nói bị cáo Lê Hoàng H lo được cho con ông T đi học sỹ quan nên ông T nhờ ông T nói với bị cáo lo cho H và N đi học sỹ quan quân đội. Khi ông T gặp bị cáo thì bị cáo nói nhờ người bạn tên Nguyễn Ngọc T đang làm tại Sư đoàn 330 đóng tại C, An Giang lo giùm với giá đi học sỹ quan quân đội là 80.000.000 đồng/1 người, đưa trước 50% khi nào đi học đưa thêm 50% còn lại thì ông T đồng ý.

Ngày 13/8/2014, ông T cùng ông T đến một quán cà phê ở ngã ba V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang đã đưa trước cho bị cáo số tiền 80.000.000 đồng, bị cáo có viết biên nhận cho ông T.

Sau đó, bị cáo nhiều lần xuống nhà của ông T gặp vợ chồng ông T kêu đưa thêm tiền để lo chi phí, cụ thể các lần: Ngày 18/10/2014, ông T đưa 30.000.000 đồng, ngày 23/10/2014, ông T đưa 10.000.000 đồng, ngày 04/4/2015, ông T đưa 35.000.000 đồng, ngày 20/4/2015, ông T đưa cho bị cáo 15.000.000 đồng và đều có ghi biên nhận. Tổng số tiền ông T đưa cho bị cáo qua các lần là 170.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn H lần mượn tiền ông T nói để mua hồ sơ làm thủ tục cho con ông T đi học sỹ quan cụ thể: Ngày 23/5/2015, 5.000.000 đồng, ngày 27/5/2015, mượn 7.000.000 đồng. Cả hai lần mượn trên bị cáo nói với ông T là mượn xài riêng không có liên quan đến tiền lo cho con ông T nên không có làm biên nhận, tổng số tiền hai lần mượn là 12.000.000 đồng.

Cũng trong thời gian trên, bà Trần Thị X có người con tên Trần Thị Thúy H vừa tốt nghiệp đại học Bạc Liêu, có nhu cầu xin vào ngành Công an. Do bà X quen biết với ông T nên ông T nói với bị cáo lo giùm, bị cáo nói là nhờ một người tên Nguyễn Văn K ở gần sân vận động Q, thành phố Cần Thơ xin giùm với giá 120.000.000 đồng, đưa trước 50% khi nào vào biên chế đưa hết số tiền còn lại. Sau đó, bị cáo nhiều lần xuống nhà ông T để nhận tiền của bà X, cụ thể các lần: Ngày 29/9/2014, ông T đưa cho bị cáo 10.000.000 đồng. Ngày 10/02/2015, ông T đưa cho bị cáo 20.000.000 đồng. Ngày 13/4/2015, ông T đưa cho bị cáo 15.000.000 đồng. Ngày 23/4/2015, ông T đưa cho bị cáo 15.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo nhận của bà X các lần là 60.000.000 đồng, các lần trên bà X đều đem tiền qua nhà ông T, sau đó ông T đưa lại cho bị cáo và đều có ghi lại biên nhận.

Sau khi nhận tiền của ông T và bà X nhưng không thấy bị cáo lo cho con ông T đi học sỹ quan cũng như con bà X vẫn chưa đi làm được. Ông T có đi qua nhà bị cáo tìm nhưng không gặp, sau đó liên lạc với bị cáo qua các số điện thoại mà bị cáo cho cũng không liên lạc được nên đến ngày 10/5/2016 ông T trình báo Công an.

Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của ông T và bà X là 230.000.000 đồng, bị cáo đã sử dụng hết vào việc chi xài cá nhân.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo vận động gia đình nộp số tiền 60.000.000 đồng khắc phục cho bà Trần Thị X và khắc phục cho ông Nguyễn Văn T số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Ngọc T xác định không có liên hệ với bị cáo cũng không nhận tiền của bị cáo. Đối với Nguyễn Văn K, bị cáo khai ở gần sân vận động Q, thành phố Cần Thơ qua xác minh không có người tên Nguyễn Văn K. Còn đối với người tên T, bị cáo cho rằng không biết họ tên đầy đủ, không biết địa chỉ cũng không biết làm việc ở đâu nên không xác định được.

Đối với số tiền 12.000.000 đồng không có ghi biên nhận, qua quá trình điều tra bị cáo và ông Nguyễn Văn T đều thừa nhận đây là số tiền mượn riêng, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo số tiền này. Đồng thời, quan hệ mượn tiền là quan hệ dân sự nên Viện kiểm sát đề nghị không xem xét trong vụ án này nếu sau này có nhu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng H 07 năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 08/02/2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, áp dụng lỗi suất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2017, bị cáo Lê Hoàng H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án xác định: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt 230.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị X như Cáo trạng đã truy tố, nên cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo khắc phục cho người bị hại số tiền 110.000.000 đồng, gia đình bị cáo có công với cách mạng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm án từ 06 tháng đến 01 năm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người bị hại.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Hoàng H khai nhận phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, bị cáo lợi dụng sự cả tin thiếu hiểu biết của người dân, bị cáo có hành vi gian dối, bằng cách nói có mối quan hệ quen biết xin được việc làm cho người khác nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Năm 2014 bị cáo cho rằng quen biết và nhờ người bạn tên Nguyễn Ngọc T đang làm tại Sư đoàn 330 đóng tại C, An Giang lo giùm đi học sỹ quan quân đội giá là 80.000.000 đồng cho con ông Nguyễn Văn T để chiếm đoạt của ông T số tiền 170.000.000 đồng; bị cáo nói nhờ người tên Nguyễn Văn K ở Cần Thơ xin vào ngành Công an cho con của bà Trần Thị X để chiếm đoạt của bà X số tiền 60.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của ông T và bà X là 230.000.000 đồng. Hành vi chiếm đoạt tài sản do bị cáo thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự, như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, nên cần xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo phạm tội có một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại với số tiền là 110.000.000 đồng, bị cáo có bà ngoại là mẹ Việt Nam anh hùng và được người bị hại bà Trần Thị X xin giảm nhẹ hình phạt, đây là N tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại Nguyễn Văn T xin giảm án cho bị cáo, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo Lê Hoàng H kháng cáo được chấp nhận, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, án phí, áp dụng lãi suất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hoàng H và sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bạc Liêu về hình phạt.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng H phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 08/02/2017.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Hoàng H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, án phí, áp dụng lỗi suất, Luật Thi hành án trong giai đoạn thi hành án, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện D;
- Cơ quan HS nghiệp vụ CS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện D, CQĐT huyện D;
- THA huyện D (để thi hành);
- Nhà tạm giữ CA huyện D;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Cao Văn Tám

